|  |  |
| --- | --- |
| **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP****THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM** Số: 6105 /TKV - KCL  V/v xin điều chỉnh, hoàn thiện một số nội dung so với Tờ trình số 1450/TTr-TKV ngày 4/4/2022 v/v đề nghị phê duyệt Chiến lược phát triển TKV | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023* |

Kính gửi: Uỷ ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) đã có Tờ trình số 1450/TTr-TKV ngày 4/4/2022 (Tờ trình số 1450) gửi Uỷ ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (Uỷ ban) v/v Phê duyệt Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*.*

- Ngày 23/6/2023, Uỷ ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp đã có Văn bản số 1208/UBQLV-NL gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư v/v đề nghị thẩm định Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Trong đó, Uỷ ban có giao TKV gửi tài liệu tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, để có đủ hồ sơ thẩm định cần bổ sung thêm Dự thảo Tờ trình trình Thủ tướng Chính phủ và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt “*Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”.* Thực hiện yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, TKV đã Dự thảo Tờ trình trình Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt “Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt “Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”;

Tuy nhiên, Để đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp giữa nội dung của Chiến lược phát triển TKV với các Chiến lược, Quy hoạch quốc gia có liên quan được Thủ tướng Chính phủ ban hành trong thời gian qua cũng như nội dung triển khai đề án tổng thể về khu phức hợp công nghệ khai thác chế biến Bô xít - Alumin - Nhôm trên địa bàn Tây Nguyên theo ý kiến chỉ đạo của Uỷ ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại Thông báo kết luận số 52/TB-UBQLV ngày 16/8/2023. TKV đã có Văn bản số 4064/TKV-KCL ngày 23/8/2023 v/v xin lùi thời gian nộp bổ sung hồ sơ Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Đến nay, TKV đã rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện Chiến lược phát triển phù hợp và đồng bộ với các Chiến lược, Quy hoạch và Đề án nêu trên. TKV xin điều chỉnh một số nội dung về quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp cụ thể thực hiện tại Tờ trình số 1450/TTr-TKV ngày 4/4/2022 và hồ sơ kèm theo v/v phê duyệt Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 với các nội dung như sau:

**I. Về quan điểm phát triển**

1. Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) thành Tập đoàn kinh tế mạnh, đóng góp vai trò quan trọng vào sự phát triển của kinh tế nhà nước; duy trì vị trí then chốt là một trong ba trụ cột đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Tập đoàn hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế để làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

2. Phát triển đồng bộ và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu các ngành, nghề kinh doanh chính: Công nghiệp than; khoáng sản - luyện kim; điện lực; vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) và các ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; ngành nghề do TKV đang đầu tư vốn kinh doanh; các ngành nghề được cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung theo điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn được Chính phủ ban hành.

3. Đảm bảo hài hoà giữa thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội được Chính phủ giao và hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV. Phát triển TKV bền vững theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hài hoà giữa khai thác sử dụng tài nguyên và trách nhiệm bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Đẩy nhanh các hoạt động thăm dò, đánh giá tài nguyên, trữ lượng than - khoáng sản của TKV được giao quản lý để chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho đầu tư phát triển bền vững ngành than và ngành khoáng sản - luyện kim, đáp ứng đủ và kịp thời cho nhu cầu khai thác và sử dụng của nền kinh tế. Khai thác, chế biến than - khoáng sản phải đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; phát thải các - bon thấp và thân thiện môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài; hướng tới mục tiêu trung hoà các - bon vào năm 2050. Khai thác khoáng sản gắn với chế biến sâu khoáng sản nhằm gia tăng chuỗi giá trị, tạo ra sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao; bảo đảm an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia.

5. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu TKV với mô hình kinh doanh và tổ chức hiệu quả, gọn nhẹ, chuyên môn hóa cao. Phát triển sản xuất kinh doanh bền vững gắn với mục tiêu phát triển con người, xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động; đảm bảo đời sống và quyền lợi, cơ hội phát triển cho người lao động. Tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển đổi nghề nghiệp; quản trị doanh nghiệp hiện đại, áp dụng các mô hình đạt chuẩn mực quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và phù hợp với công cuộc phát triển đất nước, các cam kết và hội nhập sâu rộng của Việt Nam với khu vực và thế giới.

6. Nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư ra nước ngoài để khai thác, nhập khẩu than - khoáng sản đáp ứng nhu cầu nền kinh tế (đặc biệt là những chủng loại than Việt Nam phải nhập khẩu). Xuất khẩu than - khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến; nhu cầu sử dụng của nền kinh tế quốc dân. Đầu tư phát triển và duy trì ổn định lâu dài các dự án khai thác, chế biến than và khoáng sản. Đẩy mạnh phát triển ngành khai thác bô - xít, chế biến alumin và luyện nhôm; khai thác và chế biến sắt, titan, đất hiếm để đảm bảo phát triển TKV cân bằng, phù hợp với tình hình mới.

**II. Về mục tiêu phát triển cụ thể**

\* Đối với công nghiệp than:

1. Giai đoạn 2021 - 2030: Sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu đến 20 triệu tấn/năm; xuất khẩu khoảng 1 - 3 triệu tấn/năm.

2. Giai đoạn 2031 - 2045: Duy trì sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu tăng đến trên 20 triệu tấn/năm và sau đó giảm dần theo nhu cầu thị trường trong nước; xuất khẩu khoảng 3 - 5 triệu tấn/năm.

**III. Về định hướng cụ thể**

1. Định hướng thăm dò:

i) công tác thăm dò than:

- Hoàn thành 05 đề án thăm dò giai đoạn trước, thực hiện mới khoảng 15 đề án thăm dò than với khối lượng thi công khoảng 1.018 ÷ 1.259 nghìn mét khoan (Vùng Đông Bắc 12 Đề án, Vùng Nội địa 02 Đề án, Bể than Sông Hồng 01 đề án).

- Hoàn thành các đề án thăm dò giai đoạn trước, thực hiện mới khoảng 16 đề án thăm dò than với khối lượng thi công khoảng 618 ÷ 761 triệu mét khoan (Vùng Đông Bắc 09 đề án, Vùng Nội địa 01 đề án, Bể than Sông Hồng 06 đề án).

ii) công tác thăm dò khoáng sản - luyện kim:

*\* Giai đoạn 2021 - 2030:*

- Thực hiện 04 Đề án thăm dò mỏ bô xít mới tại tại tỉnh Đăk Nông Lâm Đồng: Đề án thăm dò khu vực GN2-1, huyện Đắk Rlấp với mục tiêu trữ lượng 6,5 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Nhân Cơ; Đề án thăm dò mỏ Đông Nam Quảng Sơn với mục tiêu trữ lượng 52,2 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Đăk Nông 2; Đề án thăm dò khu Di Linh - Đinh Trang Thượng, huyện Bảo Lâm và huyện Di Linh với mục tiêu trữ lượng là 35,8 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Lâm Đồng 1; Đề án thăm dò khu vực Lộc Lâm - Lộc Phú, huyện Bảo Lâm với mục tiêu trữ lượng là 31,4 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Lâm Đồng 1.

- Thăm dò các mỏ chì - kẽm: 05 đề án gồm thăm dò mở rộng, xuống sâu khu mỏ kẽm chì Chợ Điền (giai đoạn 1), thăm dò mới khu mỏ kẽm chì Đầm Vạn tại tỉnh Bắc Kạn; mở rộng khu mỏ kẽm chì Cúc Đường (giai đoạn 1), mở rộng khu mỏ chì kẽm Lang Hít (giai đoạn 1), thăm dò mới khu mỏ Núi Tèn tỉnh Thái Nguyên.

- Thăm dò các mỏ đồng: thăm dò 09 đề án gồm mở rộng khu mỏ đồng Sin Quyền; mở rộng, xuống sâu khu mỏ đồng Vi Kẽm; mở rộng, xuống sâu khu mỏ đồng Tả Phời; thăm dò mới các mỏ: khu Đông Nam mỏ đồng Sin Quyền (giai đoạn 1), khu mỏ đồng Lùng Thàng (giai đoạn 1), khu mỏ đồng Nậm San, khu mỏ đồng Nậm Mít-Nậm Chạc (giai đoạn 1) tại tỉnh Lào Cai; thăm dò mới mỏ San Luông (giai đoạn 1) tỉnh Sơn La và xem xét thăm dò khu mỏ Kon Rá (giai đoạn 1) tại tỉnh Kon Tum.

- Thăm dò mở rộng khu mỏ thiếc Phục Linh (giai đoạn 1), thăm dò nâng cấp, mở rộng mỏ thiếc-bismut Tây Núi Pháo tại tỉnh Thái Nguyên để có nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất của các nhà máy luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.

*\* Giai đoạn 2031 - 2045:*

- Xem xét thăm dò các mỏ bô xít mới để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất sau năm 2030 của TKV:

+ Tại tỉnh Đăk Nông: Đăk Sin - Đăk Ru, huyện Đăk R'Lắp; Quảng Khê - Đăk Som, huyện Đăk Glong; Quảng Thuận, huyện Đăk R'Lắp; Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa; Khu vực ĐS-1 và ĐS-2 thuộc huyên Đắk Song và huyện Đắk Mil.

+ Tại tỉnh Lâm Đồng: Bảo Lộc, TP Bảo Lộc, Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm; Đăm b'ri, huyện Đạ Têh; Triệu Hải, huyện Đạ Teeh và huyện Đạ Huoai; Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm và huyện Đạ Têh.

- Thăm dò các mỏ chì - kẽm: thăm dò mở rộng, xuống sâu khu mỏ kẽm chì Chợ Điền (giai đoạn 2), thăm dò khu mỏ kẽm chì Đầm Vạn (giai đoạn 2) tại tỉnh Bắc Kạn; mở rộng khu mỏ kẽm chì Cúc Đường (giai đoạn 2), mở rộng khu mỏ chì kẽm Lang Hít (giai đoạn 2) tỉnh Thái Nguyên để cung cấp bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ các nhà máy luyện chì - kẽm do TKV quản lý.

- Thăm dò các mỏ đồng: tiếp tục thăm dò mở rộng mỏ Lùng Thàng, Sin Quyền (giai đoạn 2), Vi Kẽm (giai đoạn 2), khu Đông Nam mỏ đồng Sin Quyền, Nậm Mít - Nậm Chạc tỉnh Lào Cai, mỏ San Luông tỉnh Sơn La, mỏ Kon Rá tỉnh Kon Tum.

- Thăm dò nâng cấp trữ lượng (thăm dò bổ sung) khu mỏ sắt Nà Rụa tại Cao Bằng để phục vụ sản suất của Nhà máy gang thép Cao Bằng.

- Thăm dò mở rộng khu mỏ thiếc Nậm Kép tỉnh Cao Bằng, tiếp tục thăm dò mở rộng mỏ Phục Linh và tiểu khu phía Nam - khu Tây Núi Pháo tỉnh Thái Nguyên để có nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất của các nhà máy luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.

- Thăm dò nâng cấp, chuyển đổi trữ lượng quặng cromit khu Tinh Mễ - An Thượng huyện Triệu Sơn và huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa.

- Thăm dò mới mỏ ti tan mỏ Lương Sơn III tại Bình Thuận để bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất.

- Thăm dò mở rộng và nâng cấp trữ lượng mỏ đất hiếm Đông Pao, mỏ Thèn Thầu tỉnh Lai Châu, để bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất.

2. Định hướng phát triển mỏ và khai thác than

- Giai đoạn 2021 - 2030:thực hiện 71 dự án đầu tư mỏ than (trong đó: đầu tư duy trì sản xuất 39 dự án; xây dựng mới 32 dự án). Sản lượng than nguyên khai khai thác khoảng 39 - 44 triệu tấn.

- Giai đoạn 2031 - 2045:thực hiện 59 dự án đầu tư mỏ than (đầu tư duy trì sản xuất 37 dự án; xây dựng mới 22 dự án). Sản lượng than nguyên khai khai thác khoảng 43 - 36 triệu tấn.

3. Định hướng khai thác, chế biến bô xít - alumin - nhôm

- Giai đoạn 2021 - 2030:tại khu vực Tây Nguyên ưu tiên thực hiện đầu tư mở rộng nâng công suất 02 Tổ hợp alumin Tân Rai - Lâm Đồng và Nhân Cơ - Đắk Nông hiện có lên khoảng 2,0 triệu tấn/năm/Tổ hợp; chuẩn bị và thực hiện đầu tư 01 nhà máy điện phân nhôm mới tại Đắk Nông với công suất khoảng 0,5-1,0 triệu tấn nhôm/năm; chuẩn bị đầu tư 01 Tổ hợp bô xít - alumin mới tại Đắk Nông với công suất khoảng 2,0 triệu tấn alumin/năm (Cụm Đắk Nông 2).

- Giai đoạn 2031 - 2045: thực hiện đầu tư 01 Tổ hợp bô xít - alumin mới (Cụm Đắk Nông 2); xem xét đầu tư nhà máy alumin Đắk Nông 3 sau khi các dự án luyện nhôm đi vào sản xuất; các nhà máy alumin còn lại (Đắk Nông 4, Đắk Nông 5, Lâm Đồng 2, Lâm Đồng 3) sẽ xem xét đầu tư sau khi thăm dò, phê duyệt nguồn trữ lượng đảm bảo thời gian hoạt động có hiệu quả các nhà máy và khi thị trường, hạ tầng cho phép.

4. Định hướng lĩnh vực sản xuất điện

- Giai đoạn 2021 - 2030: đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương II để nâng tổng công suất đặt các nhà máy điện của TKV lên 1.845 MW; sản lượng điện phát: 10 - 11 tỷ kWh/năm; nghiên cứu công nghệ chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than...

- Giai đoạn 2031 - 2045: phát triển năng lượng tái tạo theo quy hoạch để tự cung, phù hợp với phát triển công nghiệp nhôm tại Tây Nguyên; tối đa hóa chuỗi giá trị dịch vụ phát điện - sửa chữa - cung cấp, thay thế phụ tùng thiết bị; nghiên cứu thực hiện chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than hiện có theo lộ trình phù hợp...

**IV. Về giải pháp thực hiện Chiến lược**

- TKV đề nghị bổ sung giải pháp về chuyển dịch năng lượng công bằng, cụ thể như sau:

+ Tăng cường hợp tác, kêu gọi, sử dụng có hiệu quả các cam kết hỗ trợ quốc tế (JETP, ETM, AZEX,...) và sự hỗ trợ về tài chính của các tổ chức tài chính quốc tế.

+ Triển khai đốt thí điểm pha trộn than với nhiên liệu sinh khối (Biomass), NH3, Hydro xanh...tại các nhà máy điện than theo Quy định, hướng dẫn cụ thể của Cơ quan quản lý nhà nước. Triển khai các giải pháp về thu hồi, lưu trữ và tái sử dụng khí CO2. Áp dụng các giải pháp công nghệ và hệ thống quản lý khí thải và chất thải trong ngành năng lượng theo hướng tiệm cận tiêu chuẩn của các nước phát triển.

+ Thực hiện đầu tư, triển các khai dự án về năng lượng tái tạo; tăng cường thực hiện các giải pháp về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

+ Bổ sung, chuyển đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh và đề xuất Chính phủ có cơ chế, chính sách hỗ trợ để ngành than tiếp tục phát triền bền vững, đảm bảo an sinh xã hội cho cán bộ, người lao động.

*(Chi tiết các nội dung điều chỉnh tại bảng phụ lục kèm theo).*

Trên cơ sở nội dung đề nghị điều chỉnh, hoàn thiện; TKV đã Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt “Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt “Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” và hồ sơ cập nhật của sản phẩm Chiến lược phát triển TKV (*như tài liệu kèm theo*).

TKV kính trình Uỷ ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp xem xét để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung hồ sơ Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như kính gửi; * Đảng uỷ, HĐTV TKV (e-copy để b/c); * Tổng giám đốc (e-copy); * Các Phó TGĐ, KTTr (e-copy); * Ban Kiểm soát TKV (e-copy);   - Các Ban: KH, ĐT, TCNS, KSH, ĐL,TN, KDT, MT, KTTC, KCM, CV, AT (e-copy);  - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mỏ và Công nghiệp - Vinacomin (e -copy);  - Lưu: VT, Ban KCL (TA). |  | **TỔNG GIÁM ĐỐC**  **Đặng Thanh Hải** |

**BẢNG PHỤ LỤC**

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TKV**

**THEO TỜ TRÌNH SỐ 1450/TTr-TKV NGÀY 4/4/2022 CỦA TKV**

(*Kèm theo Tờ trình số /TTr-TKV ngày tháng năm 2023*)

| **Nội dung liên quan** | **Nội dung theo Tờ trình số 1450/TTr-TKV** | **Nội dung rà soát, điều chỉnh theo các**  **Chiến lược, Quy hoạch có liên quan** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Về Quan điểm phát triển | 1. Đẩy nhanh các hoạt động, thăm dò, đánh giá tài nguyên và trữ lượng tài nguyên khoáng sản TKV được giao quản lý để chuẩn bị cơ sở tài nguyên tin cậy cho đầu tư phát triển bền vững ngành than và ngành khoáng sản - luyện kim.  2. Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thành Tập đoàn kinh tế mạnh, bền vững với ngành nghề chính là Công nghiệp than, khoáng sản - luyện kim, điện lực, vật liệu nổ công nghiệp, đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội 10 năm 2021 - 2030 trong Văn kiện Đại hội XIII và các chủ trương, chính sách của Đảng; phù hợp với các quy hoạch ngành Quốc gia và Quy hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội tại các địa phương có nguồn tài nguyên khoáng sản và có hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV.  3. Duy trì và phát triển vai trò của TKV là Doanh nghiệp chủ đạo trong việc sản xuất và cung ứng than, khoáng sản, vật liệu nổ công nghiệp, điện lực và các dạng năng lượng mới, năng lượng sạch với việc đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm tài nguyên - năng lượng, phát thải cacbon thấp và thân thiện môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài; phát triển bền vững theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu bảo vệ môi trường. Khai thác khoáng sản gắn với chế biến sâu khoáng sản nhằm tạo sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao và gia tăng chuỗi giá trị.  4. Phát triển TKV đa sở hữu với sở hữu nhà nước chi phối, sản xuất và kinh doanh dựa trên nền tảng ngành nghề chính của Tập đoàn, đa dạng hoá phương thức đầu tư khai thác và kinh doanh, đa dạng hóa thị trường; phát triển đồng bộ cả chiều rộng và chiều sâu giữa ngành nghề chính và các ngành nghề phụ trợ. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu TKV với mô hình kinh doanh và tổ chức quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao, gọn nhẹ và hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Chủ sở hữu, doanh nghiệp, người lao động và cộng đồng dân cư.  5. Phát triển sản xuất kinh doanh bền vững gắn với mục tiêu phát triển con người, xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật và đồng tâm; đảm bảo đời sống và quyền lợi người lao động, khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động phát triển kiến thức, kỹ năng và tư duy sáng tạo. Gắn kết hài hòa mối quan hệ giữa thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội đồng bộ và phù hợp với vai trò, năng lực và lĩnh vực hoạt động của TKV.  6. Nghiên cứu đầu tư hiệu quả ra nước ngoài để khai thác than, khoáng sản (đặc biệt chú ý đối với những loại than mà Việt Nam phải nhập khẩu và đưa về Việt Nam sử dụng nhằm giảm dần lượng than phải nhập khẩu); chủ động tìm kiếm thị trường nhập khẩu than ổn định, lâu dài với khối lượng lớn bảo đảm giá cạnh tranh và phù hợp với thị trường, thông lệ quốc tế để phục vụ phát triển các ngành kinh tế trong nước phù hợp theo từng giai đoạn phát triển. | 1. Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) thành Tập đoàn kinh tế mạnh, đóng góp vai trò quan trọng vào sự phát triển của kinh tế nhà nước; duy trì vị trí then chốt là một trong ba trụ cột đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Tập đoàn hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế để làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.  2. Phát triển đồng bộ và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu các ngành, nghề kinh doanh chính: Công nghiệp than; khoáng sản - luyện kim; điện lực; vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) và các ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; ngành nghề do TKV đang đầu tư vốn kinh doanh; các ngành nghề được cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung theo điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn được Chính phủ ban hành.  3. Đảm bảo hài hoà giữa thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội được Chính phủ giao và hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV. Phát triển TKV bền vững theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hài hoà giữa khai thác sử dụng tài nguyên và trách nhiệm bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.  4. Đẩy nhanh các hoạt động thăm dò, đánh giá tài nguyên, trữ lượng than - khoáng sản của TKV được giao quản lý để chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho đầu tư phát triển bền vững ngành than và ngành khoáng sản - luyện kim, đáp ứng đủ và kịp thời cho nhu cầu khai thác và sử dụng của nền kinh tế. Khai thác, chế biến than - khoáng sản phải đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; phát thải các - bon thấp và thân thiện môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài; hướng tới mục tiêu trung hoà các - bon vào năm 2050. Khai thác khoáng sản gắn với chế biến sâu khoáng sản nhằm gia tăng chuỗi giá trị, tạo ra sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao; bảo đảm an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia.  5. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu TKV với mô hình kinh doanh và tổ chức hiệu quả, gọn nhẹ, chuyên môn hóa cao. Phát triển sản xuất kinh doanh bền vững gắn với mục tiêu phát triển con người, xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động; đảm bảo đời sống và quyền lợi, cơ hội phát triển cho người lao động. Tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển đổi nghề nghiệp; quản trị doanh nghiệp hiện đại, áp dụng các mô hình đạt chuẩn mực quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và phù hợp với công cuộc phát triển đất nước, các cam kết và hội nhập sâu rộng của Việt Nam với khu vực và thế giới.  6. Nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư ra nước ngoài để khai thác, nhập khẩu than - khoáng sản đáp ứng nhu cầu nền kinh tế (đặc biệt là những chủng loại than Việt Nam phải nhập khẩu). Xuất khẩu than - khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến; nhu cầu sử dụng của nền kinh tế quốc dân. Đầu tư phát triển và duy trì ổn định lâu dài các dự án khai thác, chế biến than và khoáng sản. Đẩy mạnh phát triển ngành khai thác bô - xít, chế biến alumin và luyện nhôm; khai thác và chế biến sắt, titan, đất hiếm để đảm bảo phát triển TKV cân bằng, phù hợp với tình hình mới. | Quan điểm phát triển được TKV đề nghị điều chỉnh dựa trên sự tham chiếu các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về các Chiến lược, Quy hoạch có liên quan (Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương; Chiến lược phát triển Tập đoàn EVN; Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia; Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản;...) được ban hành trong thời gian gần đây để đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ. |
| Về mục tiêu phát triển cụ thể | \* Đối với công nghiệp than (*trang 69 Tờ trình*):  - Giai đoạn 2021-2030: than sản xuất trong nước 35-40 triệu tấn/năm; nhập khẩu 5-15 triệu tấn/năm;  - Giai đoạn 2031-2045: duy trì than sản xuất trong nước 35-40 triệu tấn/năm; nhập khẩu tăng đến 20 triệu tấn/năm và sau đó giảm dần theo nhu cầu thị trường trong nước.  - Xuất khẩu theo nhu cầu thị trường các chủng loại than trong nước ít sử dụng, than có chất lượng và giá trị kinh tế cao (dự kiến khoảng 2,0-3,0 triệu tấn/năm và tăng lên khoảng 3,0-5,0 triệu tấn/năm từ sau năm 2040). | \* Đối với công nghiệp than, đề nghị điều chỉnh:  - Giai đoạn 2021 - 2030: Sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu đến 20 triệu tấn/năm; xuất khẩu khoảng 1 - 3 triệu tấn/năm.  - Giai đoạn 2031 - 2045: Duy trì sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu tăng đến trên 20 triệu tấn/năm và sau đó giảm dần theo nhu cầu thị trường trong nước; xuất khẩu khoảng 3 - 5 triệu tấn/năm. | TKV đề nghị điều chỉnh để đồng bộ với Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Định hướng thăm dò | ***\* Về định hướng công tác thăm dò than (mục III.2.2.1.a phụ lục kèm theo, trang 78 Tờ trình):***  *\*\* Giai đoạn 2021-2030:*  Hoàn thành các đề án thăm dò giai đoạn trước, thực hiện mới 19 ÷ 21 đề án thăm dò than với khối lượng thi công khoảng 1,1 ÷ 1,3 triệu mét khoan. Cụ thể:  - Vùng Đông Bắc từ 17 ÷ 19 đề án, khoảng 1,0 ÷ 1,26 triệu mét khoan bao gồm: mỏ than Đồng Vông - Uông Thượng, khu Cánh Gà - mỏ Vàng Danh, mỏ Nam Mẫu, mỏ Tràng Bạch, mỏ Mạo Khê, mỏ Đông Triều, mỏ than Suối Lại, mỏ than Hà Lầm, mỏ than Hà Ráng, mỏ Đông Lộ Trí, mỏ than Bắc Cọc Sáu, khu Trung tâm - mỏ Vàng Danh, mỏ Bảo Đài II, phía Nam - mỏ Hà Lầm, mỏ Đông Ngã Hai, mỏ Khe Tam, mỏ Khe Chàm III;  - Vùng Nội địa 01 đề án, khoảng 0,001÷ 0,003 triệu mét khoan, bao gồm: khu mỏ Núi Hồng, mỏ Khánh Hòa;  - Bể than Sông Hồng 01 đề án: mỏ Nam Thịnh (diện tích khai thác thử nghiệm).  *\*\* Giai đoạn 2031-2045:*  Hoàn thành các đề án thăm dò giai đoạn trước, thực hiện mới 16 ÷ 18 đề án thăm dò than với khối lượng thi công khoảng 0,6 ÷ 0,8 triệu mét khoan. Cụ thể:  - Vùng Đông Bắc từ 09 ÷ 11 đề án, khoảng 0,6 ÷ 0,75 triệu mét khoan bao gồm: khu Bắc - mỏ Vàng Danh, mỏ Bảo Đài II, mỏ Bảo Đài III, mỏ Đông Tràng Bạch, mỏ Mạo Khê, mỏ Chí Linh I, mỏ Chí Linh II, mỏ Bình Minh, mỏ Hà Ráng;  - Vùng Nội địa đề án mỏ Nông Sơn, khoảng 0,007÷ 0,01 triệu mét khoan;  - Bể than Sông Hồng 06 đề án: mỏ Nam Thịnh, mỏ Nam Thịnh 2, mỏ Nam Phú I, mỏ An Chính, mỏ Tây Giang, mỏ Đông Hoàng (khối lượng được xác định theo đề án thăm dò).  ***\* Về định hướng công tác thăm dò khoáng sản - luyện kim (mục III.2.2.2.a phụ lục kèm theo, trang 82 Tờ trình):***  *\*\* Giai đoạn 2021-2030:*  - Thăm dò mỏ mới Khu Lộc Phú và Lộc Lâm; khu Triệu Hải, huyện Đạ Teeh và huyện Đạ Huoai; khu Bảo Lâm huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng; khu vực Đông Nam Quảng Sơn huyện Đăk Glong và khu vực Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa tỉnh Đăk Nông để bổ sung nguồn nguyên liệu cho dự án alumin của TKV tại tỉnh Lâm Đồng và Đăk Nông.  - Thăm dò các mỏ chì - kẽm: 03 đề án gồm thăm dò mở rộng mỏ Chợ Điền, thăm dò mỏ mới Đầm Vạn tại tỉnh Bắc Kạn; thăm dò mới mỏ Đầm Vạn tỉnh Bắc Kạn, mỏ Núi Tèn tỉnh Thái Nguyên.  - Thăm dò các mỏ đồng: thăm dò 09 đề án gồm mỏ Sin Quyền, Vi Kẽm, Tả Phời; thăm dò mới các mỏ: khu Đông Nam Sin Quyền (giai đoạn 1), Lùng Thàng, Nậm San, Nậm Mít-Nậm Chạc tại tỉnh Lào Cai; thăm dò mới mỏ San Luông tỉnh Sơn La và xem xét thăm dò khu mỏ Kon Rá tại tỉnh Kon Tum.  - Thăm dò mở rộng mỏ sắt Kíp Tước tại tỉnh Lào Cai để phục vụ sản suất của Nhà máy gang thép Cao Bằng.  - Thăm dò thiếc mỏ mới Phục Linh, thăm dò mở rộng khu phía Nam - khu Tây Núi Pháo tại tỉnh Thái Nguyên để có nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất của các nhà máy luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.  - Tìm kiếm cơ hội đầu tư thăm dò các mỏ khoáng sản mới trong và ngoài nước để chuẩn bị nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất.  *\*\* Giai đoạn 2031-2045:*  - Thăm dò khu vực Tân Thượng huyện Bảo Lâm, huyện Di Linh và TP Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng để bổ sung nguồn nguyên liệu cho việc duy trì dự án mở rộng nâng công suất (Dự án alumin Tân Rai- Lâm đồng và dự án alumin Nhân Cơ - Đăk Nông) và các dự án alumin mới tại Đăk Nông.  - Thăm dò các mỏ chì - kẽm: thăm dò mở rộng mỏ Chợ Điền, Đầm Vạn tỉnh Bắc Kạn; thăm dò mở rộng mỏ Cúc Đường, Lang Hít tỉnh Thái Nguyên để cung cấp bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ các nhà máy luyện chì - kẽm do TKV quản lý.  - Thăm dò các mỏ đồng: tiếp tục thăm dò mở rộng mỏ Lùng Thàng, Sin Quyền, Vi Kẽm, Đông Nam Sin Quyền, Nậm Mít - Nậm Chạc tỉnh Lào Cai, mỏ San Luông tỉnh Sơn La, mỏ Kon Rá tỉnh Kon Tum.  - Thăm dò mở rộng mỏ sắt Nà Rụa tại Cao Bằng để phục vụ sản suất của Nhà máy gang thép Cao Bằng.  - Thăm dò mở rộng khu mỏ thiếc Nậm Kép tỉnh Cao Bằng, tiếp tục thăm dò mở rộng mỏ Phục Linh và khu phía Nam - khu Tây Núi Pháo tỉnh Thái Nguyên để có nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất của các nhà máy luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.  - Thăm dò nâng cấp trữ lượng cromit sa khoáng Cổ Định (Núi Nưa) huyện Triệu Sơn và huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa.  - Thăm dò mới mỏ ti tan mỏ Lương Sơn III tại Bình Thuận để bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất.  - Thăm dò mở rộng và nâng cấp trữ lượng mỏ đất hiếm Đông Pao - Lai Châu để bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất. | ***\* Về định hướng công tác thăm dò than, đề nghị điều chỉnh:***  *\*\* Giai đoạn 2021-2030:*  Hoàn thành 05 đề án thăm dò giai đoạn trước, thực hiện mới khoảng 15 đề án thăm dò than với khối lượng thi công khoảng 1.018 ÷ 1.259 nghìn mét khoan. Cụ thể:  - Vùng Đông Bắc thực hiện mới khoảng 12 đề án, khoảng 942 ÷ 1.166 nghìn mét khoan bao gồm: mỏ Đồng Vông - Uông Thượng, khu Cánh Gà - mỏ Vàng Danh, khu Trung tâm - mỏ Vàng Danh, mỏ Nam Mẫu, mỏ Bảo Đài II, mỏ Tràng Bạch, mỏ Mạo Khê, mỏ Đông Triều, mỏ Suối Lại, mỏ Hà Lầm, Phía Nam - mỏ Hà Lầm, mỏ Hà Ráng, mỏ Đông Ngã Hai, mỏ Khe Tam, mỏ Đông Lộ Trí, mỏ Bắc Cọc Sáu, mỏ Khe Chàm III;  - Vùng Nội địa: 02 đề án, khoảng 76 ÷ 90 nghìn mét khoan, bao gồm: mỏ Núi Hồng, mỏ Khánh Hòa;  - Bể than Sông Hồng 01 đề án: mỏ Nam Thịnh (diện tích khai thác thử nghiệm).  *\*\* Giai đoạn 2031-2045:*  Hoàn thành các đề án thăm dò giai đoạn trước, thực hiện mới khoảng 16 đề án thăm dò than với khối lượng thi công khoảng 618 ÷ 761 triệu mét khoan. Cụ thể:  - Vùng Đông Bắc thực hiện mới khoảng 09 đề án, khoảng 611 ÷ 751 nghìn mét khoan bao gồm: khu Bắc - mỏ Vàng Danh, mỏ Bảo Đài II, mỏ Bảo Đài III, mỏ Đông Tràng Bạch, mỏ Mạo Khê, mỏ Chí Linh I, mỏ Chí Linh II, mỏ Bình Minh, mỏ Hà Ráng;  - Vùng Nội địa: 01 đề án, khoảng 7 ÷ 10 nghìn mét khoan (mỏ Nông Sơn);  - Bể than Sông Hồng 06 đề án: mỏ Nam Thịnh, mỏ Nam Thịnh 2, mỏ Nam Phú I, mỏ An Chính, mỏ Tây Giang, mỏ Đông Hoàng (khối lượng được xác định theo đề án thăm dò).  ***\* Về định hướng công tác thăm dò khoáng sản - luyện kim, đề nghị điều chỉnh:***  *\*\* Giai đoạn 2021-2030:*  - Thực hiện 04 Đề án thăm dò mỏ bô xít mới tại tại tỉnh Đăk Nông Lâm Đồng: Đề án thăm dò khu vực GN2-1, huyện Đắk Rlấp với mục tiêu trữ lượng 6,5 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Nhân Cơ; Đề án thăm dò mỏ Đông Nam Quảng Sơn với mục tiêu trữ lượng 52,2 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Đăk Nông 2; Đề án thăm dò khu Di Linh - Đinh Trang Thượng, huyện Bảo Lâm và huyện Di Linh với mục tiêu trữ lượng là 35,8 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Lâm Đồng 1; Đề án thăm dò khu vực Lộc Lâm - Lộc Phú, huyện Bảo Lâm với mục tiêu trữ lượng là 31,4 triệu tấn tinh quặng phục vụ cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy alumin Lâm Đồng 1.  - Thăm dò các mỏ chì - kẽm: 05 đề án gồm thăm dò mở rộng, xuống sâu khu mỏ kẽm chì Chợ Điền (giai đoạn 1), thăm dò mới khu mỏ kẽm chì Đầm Vạn tại tỉnh Bắc Kạn; mở rộng khu mỏ kẽm chì Cúc Đường (giai đoạn 1), mở rộng khu mỏ chì kẽm Lang Hít (giai đoạn 1), thăm dò mới khu mỏ Núi Tèn tỉnh Thái Nguyên.  - Thăm dò các mỏ đồng: thăm dò 09 đề án gồm mở rộng khu mỏ đồng Sin Quyền; mở rộng, xuống sâu khu mỏ đồng Vi Kẽm; mở rộng, xuống sâu khu mỏ đồng Tả Phời; thăm dò mới các mỏ: khu Đông Nam mỏ đồng Sin Quyền (giai đoạn 1), khu mỏ đồng Lùng Thàng (giai đoạn 1), khu mỏ đồng Nậm San, khu mỏ đồng Nậm Mít-Nậm Chạc (giai đoạn 1) tại tỉnh Lào Cai; thăm dò mới mỏ San Luông (giai đoạn 1) tỉnh Sơn La và xem xét thăm dò khu mỏ Kon Rá (giai đoạn 1) tại tỉnh Kon Tum.  - Thăm dò mở rộng mỏ sắt Kíp Tước tại tỉnh Lào Cai để phục vụ sản suất của Nhà máy gang thép Cao Bằng.  - Thăm dò mở rộng khu mỏ thiếc Phục Linh (giai đoạn 1), thăm dò nâng cấp, mở rộng mỏ thiếc-bismut Tây Núi Pháo tại tỉnh Thái Nguyên để có nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất của các nhà máy luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.  - Tìm kiếm cơ hội đầu tư thăm dò các mỏ khoáng sản mới trong và ngoài nước để chuẩn bị nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất.  *\*\* Giai đoạn 2031-2045:*  - Xem xét thăm dò các mỏ bô xít mới để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất sau năm 2030 của TKV:  + Tại tỉnh Đăk Nông: Đăk Sin - Đăk Ru, huyện Đăk R'Lắp; Quảng Khê - Đăk Som, huyện Đăk Glong; Quảng Thuận, huyện Đăk R'Lắp; Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa; Khu vực ĐS-1 và ĐS-2 thuộc huyên Đắk Song và huyện Đắk Mil.  + Tại tỉnh Lâm Đồng: Bảo Lộc, TP Bảo Lộc, Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm; Đăm b'ri, huyện Đạ Têh; Triệu Hải, huyện Đạ Teeh và huyện Đạ Huoai; Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm và huyện Đạ Têh.  - Thăm dò các mỏ chì - kẽm: thăm dò mở rộng, xuống sâu khu mỏ kẽm chì Chợ Điền (giai đoạn 2), thăm dò khu mỏ kẽm chì Đầm Vạn (giai đoạn 2) tại tỉnh Bắc Kạn; mở rộng khu mỏ kẽm chì Cúc Đường (giai đoạn 2), mở rộng khu mỏ chì kẽm Lang Hít (giai đoạn 2) tỉnh Thái Nguyên để cung cấp bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ các nhà máy luyện chì - kẽm do TKV quản lý.  - Thăm dò các mỏ đồng: tiếp tục thăm dò mở rộng mỏ Lùng Thàng, Sin Quyền (giai đoạn 2), Vi Kẽm (giai đoạn 2), khu Đông Nam mỏ đồng Sin Quyền, Nậm Mít - Nậm Chạc tỉnh Lào Cai, mỏ San Luông tỉnh Sơn La, mỏ Kon Rá tỉnh Kon Tum.  - Thăm dò nâng cấp trữ lượng (thăm dò bổ sung) khu mỏ sắt Nà Rụa tại Cao Bằng để phục vụ sản suất của Nhà máy gang thép Cao Bằng.  - Thăm dò mở rộng khu mỏ thiếc Nậm Kép tỉnh Cao Bằng, tiếp tục thăm dò mở rộng mỏ Phục Linh và tiểu khu phía Nam - khu Tây Núi Pháo tỉnh Thái Nguyên để có nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất của các nhà máy luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.  - Thăm dò nâng cấp, chuyển đổi trữ lượng quặng cromit khu Tinh Mễ - An Thượng huyện Triệu Sơn và huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa.  - Thăm dò mới mỏ ti tan mỏ Lương Sơn III tại Bình Thuận để bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất.  - Thăm dò mở rộng và nâng cấp trữ lượng mỏ đất hiếm Đông Pao, mỏ Thèn Thầu tỉnh Lai Châu, để bổ sung nguồn nguyên liệu phục vụ sản suất. | TKV đề nghị điều chỉnh để đồng bộ với Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia và với dự thảo kế hoạch thực hiện Quyết định số 866/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Định hướng phát triển dự án mỏ than | ***\* Về định hướng công tác phát triển mỏ và khai thác than (mục III.2.2.1.a phụ lục kèm theo, trang 78 Tờ trình):***  *- Định hướng cụ thể cho từng giai đoạn:*  \*\* Giai đoạn 2021 - 2030:thực hiện 78 dự án đầu tư mỏ than (trong đó: đầu tư duy trì sản xuất 40 dự án; cải tạo, mở rộng, xây dựng mới 38 dự án). Sản lượng than nguyên khai khai thác khoảng 40 - 44 triệu tấn.  \*\* Giai đoạn 2031 - 2045:thực hiện 53 dự án đầu tư mỏ than (đầu tư duy trì sản xuất 37 dự án; cải tạo, mở rộng, xây dựng mới 16 dự án). Sản lượng than nguyên khai khai thác khoảng 43 - 30 triệu tấn. | ***\* Về định hướng công tác phát triển mỏ và khai thác than, đề nghị điều chỉnh:***  *- Định hướng cụ thể cho từng giai đoạn:*  \*\* Giai đoạn 2021 - 2030:thực hiện 71 dự án đầu tư mỏ than (trong đó: đầu tư duy trì sản xuất 39 dự án; xây dựng mới 32 dự án). Sản lượng than nguyên khai khai thác khoảng 39 - 44 triệu tấn.  \*\* Giai đoạn 2031 - 2045:thực hiện 59 dự án đầu tư mỏ than (đầu tư duy trì sản xuất 37 dự án; xây dựng mới 22 dự án). Sản lượng than nguyên khai khai thác khoảng 43 - 36 triệu tấn. | TKV đề nghị điều chỉnh để đồng bộ với Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Định hướng khai thác, chế biến khoáng sản - luyện kim | **\* Định hướng chế biến cụ thể cho từng giai đoạn (trang 87 - 88 Tờ trình):**  *\*\* Giai đoạn 2021-2030:*   * *Đối với quặng bô-xít:* duy trì sản xuất có hiệu quả các mỏ bô xit, dây chuyền sản xuất đã được cấp phép. Đầu tư cải tiến hiệu suất, nâng công suất tổ hợp alumin Tân Rai, nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ từ 0,65 triệu tấn alumin/năm lên 0,8 triệu tấn alumin/năm. Thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ và Tân Rai hiện tại để nâng công suất toàn nhà máy lên 2,0 triệu tấn alumin/1 nhà máy/năm. Như vậy, tổng công suất alumin giai đoạn này là từ 1,4-4,0 triệu tấn alumin/năm và hình thành nền công nghiệp khai thác chế biến quặng bô-xít, sản suất alumin, nhôm tiên tiến, hiện đại gắn với mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh theo Kết luận số 31-KL/TW ngày 7/3/2022 của Bộ Chính Trị. * *Đối với quặng titan*:đầu tư xây dựng 01 tổ hợp chế biến titan tại Bình Thuận với các sản phẩm xỉ titan, pigment, bột zircon siêu mịn, ... để phát huy lợi thế về trữ lượng tài nguyên quặng titan - zircon khu Lương Sơn và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm chế biến từ titan ở trong nước và xuất khẩu. * *Đối với quặng chì - kẽm, quặng thiếc, quặng đồng*: duy trì sản suất của các nhà máy chế biến hiện có, chỉ xem xét đầu tư mới hoặc mở rộng khi có nguồn nguyên liệu và thị trường. Đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến sâu các sản phẩm đồng cathode, chi- kẽm kim loại, thiếc kim loại đầu ra của các nhà máy tuyển - luyện trong TKV để sản xuất chế biến các sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu của thị trường và góp phần gia tăng chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh. * *Đối với quặng đồng*: xây dựng nhà máy chế biến sâu đồng tấm tại Lào Cai, công suất 10.000 tấn/ năm. * *Đối với quặng cromit*: đưa nhà máy ferrocrom Cổ Định -Thanh Hóa đã được đầu tư với công suất 20.000 tấn/ năm vào hoạt động trở lại ngay sau khi mỏ Cromit Cổ Định được cấp giấy phép khai thác mỏ. * *Đối với quặng sắt*: quy trì hoạt động của nhà máy gang thép Cao Bằng với công suất 220 tấn phôi thép/ năm. * *Đối với quặng đất hiếm*:đầu tư các nhà máy thủy luyện, chiết tách quặng đất hiếm từ mỏ đất hiếm Đông Pao (Lai Châu) tiến tới sản suất các loại ô xít đất hiếm riêng rẽ đáp ứng nhu cầu thị trường và khả năng huy động vốn của Tập đoàn.   *\*\* Giai đoạn 2031-2045:*   * *Đối với quặng bô-xít*: duy trì hoạt động ổn định các nhà máy alumin đã đầu tư trong giai đoạn trước. Đầu tư xây dựng nhà máy alumin Đăk Nông 2, alumin Đăk Nông 3 với công suất mỗi nhà máy 2,0 triệu tấn alumin/năm có xem xét nâng lên 3,0 triệu tấn alumin/năm nếu thị trường cho phép. Đầu tư mở rộng hoặc đầu tư mới nhà máy điện phân nhôm nâng tổng công suất từ 0,9÷1,0 triệu tấn nhôm thỏi/năm và xây dựng các nhà máy sản xuất các sản phẩm sau nhôm thỏi theo đúng tinh thần của Kết luận số 31-KL/TW ngày 7/3/2022 của Bộ Chính Trị và Nghị quyết của Thường vụ Đảng ủy và HĐTV Tập đoàn. * *Đối với quặng Titan*:duy trì sản xuất tổ hợp chế biến titan tại Bình Thuận với các sản phẩm xỉ titan, pigment, bột zircon siêu mịn, ... xem xét mở rộng nâng công suất khi có thị trường và đáp ứng được nguồn nguyên liệu. * *Đối với quặng chì-kẽm, quặng thiếc, quặng đồng*: duy trì sản suất của các nhà máy chế biến hiện có, chỉ xem xét đầu tư mới hoặc mở rộng khi có nguồn nguyên liệu và thị trường. Sản xuất sản phẩm từ đồng để nâng cao giá trị sản xuất. * *Đối với quặng đồng*: duy trì nhà máy chế biến sâu đồng tấm tại Lào Cai, công suất 10.000 tấn/ năm. * *Đối với quặng cromit*: duy trì hoạt động ổn định nhà máy ferrocrom Cổ Định -Thanh Hóa và tiếp tục đầu tư công tác chế biến các khoáng sản đi kèm của mỏ cromit Cổ Định. * *Đối với quặng sắt:* duy trì hoạt động ổn định của Nhà máy Gang thép Cao Bằng, nghiên cứu để xuất đầu tư nhà máy gang thép tại Hà Tĩnh hoặt tỉnh khác để sản suất từ 1,5- 2,0 triệu tấn phôi thép/năm từ nguồn quặng sắt mỏ Thạch Khê.   - *Đối với quặng đất hiếm*:duy trì các nhà máy thủy luyện, chiết tách quặng đất hiếm từ mỏ đất hiếm Đông Pao (Lai Châu) đã được đầu tư trong giai đoạn trước, xem xét đầu tư chế biến các sản phẩm như kim loại đất hiếm hoặc các sản phẩm khác từ đất hiếm. | - Đề nghị điều chinh:  (i) Đối với khoáng sản bô-xít:  + Ưu tiên thực hiện đầu tư mở rộng nâng công suất 02 Tổ hợp alumin Tân Rai - Lâm Đồng và Nhân Cơ - Đắk Nông hiện có lên khoảng 2,0 triệu tấn/năm/Tổ hợp; chuẩn bị và thực hiện đầu tư 01 nhà máy điện phân nhôm mới tại Đắk Nông với công suất khoảng 0,5-1,0 triệu tấn nhôm/năm; chuẩn bị đầu tư 01 Tổ hợp bôxít - alumin mới tại Đắk Nông với công suất khoảng 2,0 triệu tấn alumin/năm (Cụm Đắk Nông 2) giai đoạn 2021 - 2030;  + Giai đoạn 2031 - 2045:Thực hiện đầu tư 01 Tổ hợp bôxít - alumin mới (Cụm Đắk Nông 2); xem xét đầu tư nhà máy alumin Đắk Nông 3 sau khi các dự án luyện nhôm đi vào sản xuất; các nhà máy alumin còn lại (Đắk Nông 4, Đắk Nông 5, Lâm Đồng 2, Lâm Đồng 3) sẽ xem xét đầu tư sau khi thăm dò, phê duyệt nguồn trữ lượng đảm bảo thời gian hoạt động có hiệu quả các nhà máy và khi thị trường, hạ tầng cho phép.  (ii) Đầu tư nâng công suất khai thác các mỏ bauxit Nhân Cơ, Tây Tân Rai (phần đã được cấp phép khai thác), các mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng và các mỏ sẽ được thăm dò bổ sung [Nhân Cơ, Gia Nghĩa, Gia Nghĩa 2, Bắc Gia Nghĩa, Tuy Đức, Đắk Song, Đông Bắc và Tây Nam mỏ “1-5”, mỏ Trung tâm “1-5”, Quảng Sơn, Đông Nam Quảng Sơn, Đắk Nia... tại tỉnh Đắk Nông; Tây Tân Rai, Lộc Lâm – Lộc Phú, Tân Thượng (Di Linh-Đinh Trang Thượng)...tỉnh Lâm Đồng] để cung cấp nguyên liệu cho các dự án nhà máy alumin.  (ii) Đối với khoáng sản đồng:  - Duy trì các mỏ (Sin Quyền, Tả Phời, Vi Kẽm), các nhà máy tuyển (Sin Quyền 1, Quyền 2, Tả Phời), luyện đồng (Tằng Lỏong, Bản Qua) hiện có với sản lượng ≥ 30.000 tấn đồng cathode/năm; xem xét đầu tư nhà máy chế biến sâu (sử dụng khoảng 10.000 tấn đồng cathode/năm) tại Lào Cai tạo ra các sản phẩm dân dụng hoặc công nghiệp phù hợp với thị trường nhằm nâng cao chuỗi giá trị gia tăng.  - Đầu tư mở rộng, xuống sâu các mỏ hiện có (Sin Quyền, Tả Phời, Vi Kẽm) và phát triển các mỏ mới: Lùng Thàng, Nậm Mít - Nậm Chạc, Nậm San, Phần sâu & Đông Nam (Phân vùng III-IV) Sin Quyền tỉnh Lào Cai, mỏ San Luông tỉnh Sơn La, mỏ Kon Rá tỉnh Kon Tum.  - Tổ chức thực hiện đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên liệu từ các mỏ quặng đồng khác ở trong nước, cũng như nhập khẩu tinh quặng đồng để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, lâu dài cho các nhà máy luyện đồng đã đầu tư xây dựng.  \* Đối với khoáng sản kẽm, chì:  - Duy trì sản xuất các mỏ, các xưởng tuyển tại Chợ Điền, Làng Hít, Cúc Đường đã đầu tư; xem xét đầu tư Nhà máy điện phân kẽm Bắc Kạn (công suất 15.000 tấn/năm) theo hướng thay thế nhà máy điện phân kẽm hiện có tại Thái Nguyên và đầu tư nhà máy luyện chì kim loại Chợ Điền (công suất 5.000 tấn/năm) phục vụ công tác chế biến nguồn quặng khai thác từ các mỏ sau khi thăm dò nâng cấp, mở rộng.  - Đầu tư khai thác mở rộng, xuống sâu các mỏ hiện có: Chợ Điền -Bắc Kạn, Làng Hít, Cúc Đường - Thái Nguyên và phát triển các mỏ mới: Đầm Vạn - Bắc Kạn, Núi Tèn – Thái Nguyên.  \* Đối với khoáng sản sắt:  - Tiếp tục kiến nghị với Đảng, Chính phủ, các Bộ ngành để được cho phép tái khởi động Dự án khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê (đã được cấp phép khai thác) và tập trung mọi nguồn lực để triển khai dự án khi được chấp thuận; xem xét đầu tư nhà máy sản xuất phôi thép tại Hà Tĩnh (công suất **2,0** triệu tấn/năm) sử dụng nguyên liệu từ mỏ Thạch Khê; đẩy mạnh công tác đền bù - GPMB để sớm đưa khu Bắc mỏ Nà Rụa vào sản xuất; mở rộng, xuống sâu các mỏ Nà Rụa tỉnh Cao Bằng, Kíp Tước tỉnh Lào Cai và sớm đưa mỏ Làng Vinh - Làng Cọ vào khai thác.  \* Đối với khoáng sản titan:  Đầu tư khai thác quặng sa khoáng titan - zircon tại khu vực Lương Sơn I, huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận; đồng thời tìm kiếm đối tác trong nước và ngoài nước có năng lực công nghệ, tài chính để hợp tác triển khai đầu tư các dự án chế biến sâu nghiền zircon siêu mịn; xỉ titan; pigment; titan xốp/titan kim loại tại tỉnh Bình Thuận.  \* Đối với khoáng sản đất hiếm:  Tiếp tục tìm kiếm đối tác có năng lực, kinh nghiệm để hợp tác khai thác chế biến đất hiếm mỏ Đông Pao, huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu; Xem xét đầu tư khai thác đất hiếm tại mỏ Mường Hum, Lào Cai sau khi Nhà máy chế biến quặng đất hiếm Đông Pao hoạt động hiệu quả.  \* Đối với khoáng sản cromit:  Đầu tư khai thác và tuyển quặng cromit mỏ Cổ Định - Thanh Hóa để cung cấp cho nhà máy sản xuất ferocrom đã đầu tư.  \* Đối với khoáng sản thiếc:  Duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả các khu mỏ, bãi thải đã được cấp phép khai thác tận thu, xưởng luyện thiếc đã đầu tư xây dựng.  - Đầu tư mở rộng, xuống sâu các mỏ hiện có (Tây Nam Núi Pháo, Phục Linh tỉnh Thái Nguyên) và phát triển mỏ mới Nậm Kép tỉnh Cao Bằng. | TKV đề nghị điều chỉnh để đồng bộ với Dự thảo kế hoạch thực hiện Quyết định số 866/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Định hướng phát triển lĩnh vực Điện lực | 1. Tại Mục II.2- Mục tiêu phát triển (trang 72 Tờ trình)  *2.2.3. Công nghiệp điện:*  Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung như sau:  - Giai đoạn 2021-2030: tổng công suất đặt: 1.845 MW; sản lượng điện phát: 10-11 tỷ kWh/năm.  - Giai đoạn 2031-2045: đầu tư nhiệt điện than và năng lượng tái tạo (NLTT) để tự cung, phù hợp với phát triển công nghiệp nhôm tại Tây Nguyên; tối đa hóa chuỗi giá trị dịch vụ phát điện - sửa chữa - cung cấp, thay thế phụ tùng thiết bị.  2. Tại Mục II.3- Định hướng phát triển:  3.2.3. Định hướng phát triển công nghiệp điện (trang 89-90 Tờ trình)  Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung như sau:  - Duy trì các nhà máy điện than hiện có để tận dụng nguồn than chất lượng thấp, hoàn thành các dự án điện đã được phê duyệt theo quy hoạch | - Đề nghị điều chỉnh:  1. Tại Mục II.2- Mục tiêu phát triển:  *2.2.3. Công nghiệp điện:*  Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung như sau:  - Giai đoạn 2021 - 2030: đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương II để nâng tổng công suất đặt các nhà máy điện của TKV lên 1.845 MW; sản lượng điện phát: 10 - 11 tỷ kWh/năm; nghiên cứu công nghệ chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than...  - Giai đoạn 2031 - 2045: phát triển năng lượng tái tạo theo quy hoạch để tự cung, phù hợp với phát triển công nghiệp nhôm tại Tây Nguyên; tối đa hóa chuỗi giá trị dịch vụ phát điện - sửa chữa - cung cấp, thay thế phụ tùng thiết bị; nghiên cứu thực hiện chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than hiện có theo lộ trình phù hợp...  2. Tại Mục II.3- Định hướng phát triển:  3.2.3. Định hướng phát triển công nghiệp điện  Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung như sau:  - Duy trì các nhà máy điện than hiện có để tận dụng nguồn than chất lượng thấp, hoàn thành các dự án điện đã được phê duyệt theo quy hoạch; nghiên cứu thực hiện chuyển đổi nhiên liệu theo lộ trình phù hợp... | TKV đề nghị điều chỉnh để đồng bộ với Quyết định số 500/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch điện VIII. |
| Về giải pháp chuyển dịch năng lượng Công bằng | - Không có | - Đề nghị bổ sung giải pháp về chuyển dịch năng lượng công bằng, cụ thể như sau:  + Tăng cường hợp tác, kêu gọi, sử dụng có hiệu quả các cam kết hỗ trợ quốc tế (JETP, ETM, AZEX,...) và sự hỗ trợ về tài chính của các tổ chức tài chính quốc tế.  + Triển khai đốt thí điểm pha trộn than với nhiên liệu sinh khối (Biomass), NH3, Hydro xanh...tại các nhà máy điện than theo Quy định, hướng dẫn cụ thể của Cơ quan quản lý nhà nước. Triển khai các giải pháp về thu hồi, chôn lấp và tái sử dụng khí CO2. Áp dụng các giải pháp công nghệ và hệ thống quản lý khí thải và chất thải trong ngành năng lượng theo hướng tiệm cận tiêu chuẩn của các nước phát triển.  + Thực hiện đầu tư, triển các khai dự án về năng lượng tái tạo; tăng cường thực hiện các giải pháp về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.  + Bổ sung, chuyển đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh và đề xuất Chính phủ có cơ chế, chính sách hỗ trợ để ngành than tiếp tục phát triền bền vững, đảm bảo an sinh xã hội cho cán bộ, người lao động. | TKV đề nghị bổ sung để đồng bộ với Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 500/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch điện VIII. |